

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ V
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2018/DS-ST
Ngày 15 tháng 5 năm 2018
“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Mạnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Sái Văn Trọng

Bà Nguyễn Thị Thúy Nga.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Luận - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố V.

Ngày 15 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 92/2017/TLST- DS ngày 03 tháng 10 năm 2017, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/QĐST-DS ngày 03 tháng 4 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 21 ngày 27 tháng 4 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại C. Địa chỉ: 89 LH, phường LH, quận ĐĐ, thành phố H. Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D - Chủ tịch Hội đồng quản trị. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê H1 Th - Trưởng phòng thu hồi nợ pháp lý kiêm quản lý pháp chế cho phòng An ninh và phòng kiểm soát gian lận, Trung tâm thu hồi nợ - khối tín dụng tiêu dùng - Ngân hàng thương mại C (Văn bản ủy quyền số 18/2017/UQ-CT ngày 13 tháng 3 năm 2017); Người được ủy quyền lại: Bà Lê Thị Thu H, sinh năm 1982; bà Lê Thị H, sinh năm 1990 và bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1992; cùng địa chỉ: Nhà số 60, đường LD, phường L, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc (Văn bản ủy quyền lại số: 696/2017/UQ-GĐK-TDTD ngày 20 tháng 6 năm 2017), bà Nguyễn Thị Th, có mặt.

Bị đơn: Ông Hoàng Đình H1, sinh năm 1964. Địa chỉ: Tổ dân phố Đ, phường ĐT, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 20/6/2017 và quá trình tố tụng, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Th trình bày:

Ngày 15/12/2014, ông Hoàng Đình H1 có ký Hợp đồng tín dụng số: 20141220-129004-0004 với Ngân hàng thương mại C để vay số tiền là 15.750.000 đồng. Mục đích vay tiêu dùng cá nhân với lãi suất thỏa thuận 3,75%/tháng. Hình thức vay là vay tín chấp và không có tài sản bảo đảm. Phương thức trả nợ là trả chậm trong vòng 12 tháng, bao gồm cả gốc và lãi là 20.113.000đ (Hai mươi triệu một trăm mười ba nghìn đồng chẵn). Trong 11 tháng đầu, mỗi tháng ông H1 phải trả cho ngân hàng 1.654.000đ, tháng cuối cùng trả 1.919.000đ, thỏa thuận thanh toán vào ngày 01 hàng tháng, bắt đầu từ ngày 01/02/2015.

Sau khi ký Hợp đồng, ông H1 đã nhận đủ số tiền, trong quá trình vay ông H1 đã trả cho Ngân hàng thương mại C được 05 kỳ với tổng số tiền là 8.270.000đ (trong đó trả gốc là 5.525.576 đồng và 2.744.424 đồng tiền lãi). Kể từ tháng 7 năm 2015, ông H1 không thanh toán thêm bất kỳ khoản tiền nào khác, ông đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng. Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc nhưng ông H1 không chịu thanh toán. Nay Ngân hàng đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông H1 phải trả nợ cho Ngân hàng toàn bộ khoản tiền gốc chưa trả là 10.224.424 đồng và tiền lãi tính từ kỳ thứ 6 (01/7/2015) đến kỳ thứ 12 (01/01/2016) là 1.618.576 đồng, tổng cộng cả gốc và lãi là 11.843.000 đồng (Mười một triệu tám trăm bốn mươi ba nghìn đồng).

Trong đơn khởi kiện cũng như bản tự khai của nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất chậm trả, nhưng nay Ngân hàng không yêu cầu gì đối với các khoản lãi chậm trả phát sinh từ thời điểm hết hạn hợp đồng tín dụng đến ngày xét xử. Về lãi suất chậm trả đại diện Ngân hàng đề nghị kể từ ngày Ngân hàng có đơn đề nghị thi hành án nếu ông H1 không thanh toán đầy đủ cho Ngân hàng thì ông H1 còn phải chịu lãi suất chậm trả trên nợ gốc theo quy định của Bộ luật dân sự 2015.

Bị đơn là ông Hoàng Đình H1, trong quá trình làm việc, hòa giải tại tòa án trình bày: Ông xác nhận ngày ký hợp đồng vay, số tiền vay, mục đích, hình thức vay và lãi suất thỏa thuận; phương thức, kỳ hạn trả nợ và số tiền còn nợ như người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã trình bày. Nay ông H1 đồng ý trả nợ cho Ngân hàng thương mại C số tiền cả gốc và lãi là 11.843.000đ (Mười một triệu tám trăm bốn mươi ba nghìn đồng). Trong đó nợ gốc 10.224.424 đồng và tiền lãi 1.618.576 đồng (lãi tính từ kỳ thứ 6 đến kỳ thứ 12). Tại biên bản hòa giải ngày 28/3/2018, ông H1 hẹn đến ngày 16/4/2018 sẽ thanh toán cho Ngân hàng nhưng đến nay ông H1 không thanh toán thêm khoản tiền nào.

Quá trình tố tụng, Tòa án đã công khai, tiếp cận chứng cứ và hòa giải nhưng các bên không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên quan điểm như đã khởi kiện. Đề nghị Tòa án buộc ông H1 phải trả cho Ngân hàng thương mại C số tiền gốc và lãi nêu trên. Ngoài ra không yêu cầu tính tiền lãi phát sinh từ khi hết hạn hợp đồng cho đến ngày xét xử. Đối với lãi suất chậm trả Ngân hàng thương mại C đề nghị kể từ ngày Ngân hàng có đơn đề nghị thi hành án nếu ông H1 không thanh toán đầy đủ số tiền còn nợ thì ông H1 còn phải chịu mức lãi chậm trả trên nợ gốc theo quy định của Bộ luật dân sự 2015.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Hai bên ký kết hợp đồng tín dụng với mục đích vay tiêu dùng cá nhân nên đây là vụ án dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Tại phiên tòa ông Hoàng Đình H1 vắng mặt lần thứ hai. Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng quy định tại Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông H1 là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3] Về pháp luật áp dụng: Thời điểm các bên ký Hợp đồng tín dụng và thực hiện nghĩa vụ là năm 2014 và năm 2015 là thời điểm Bộ luật Dân sự 2005 điều chỉnh nên cần áp dụng các quy định của Bộ luật dân sự 2005 và Luật các Tổ chức tín dụng 2010 để giải quyết.

[4] Về nội dung vụ án, xét thấy: Giữa Ngân hàng thương mại C với ông Hoàng Đình H1 có ký hợp đồng tín dụng số 20141220-129004-0004 về việc Ngân hàng thương mại C cho ông H1 vay số tiền là 15.750.000 đồng. Mục đích vay tiêu dùng cá nhân với lãi suất thỏa thuận 3,75%/tháng, hình thức vay tín chấp và không có tài sản bảo đảm. Phương thức trả nợ là trả chậm trong vòng 12 tháng, bao gồm cả gốc và lãi là 20.113.000 đồng (Hai mươi triệu một trăm mười ba nghìn đồng chẵn). Trong 11 tháng đầu, mỗi tháng ông H1 phải trả cho ngân hàng 1.654.000 đồng, tháng cuối cùng trả 1.919.000 đồng. Thanh toán vào ngày 01 hàng tháng, bắt đầu từ ngày 01/02/2015. Ông H1 đã trả cho Ngân hàng thương mại C được 05 kỳ với tổng số tiền là 8.270.000 đồng (trong đó trả gốc là 5.525.576 đồng và 2.744.424 đồng tiền lãi). Kể từ tháng 7 năm 2015, ông H1 không thanh toán thêm bất kỳ khoản tiền nào khác, ông H1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng. Tại buổi hòa giải ông H1 cam kết ngày 16/4/2018 sẽ trả cho Ngân hàng thương mại C nhưng đến nay ông H1 không trả thêm

khoản tiền nào khác. Do đó, Ngân hàng thương mại C yêu cầu buộc ông H1 phải trả toàn bộ số tiền vay cả gốc và lãi là 11.843.000 đồng (Mười một triệu tám trăm bốn mươi ba nghìn đồng), trong đó nợ gốc 10.224.424 đồng và tiền lãi 1.618.576 đồng, là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ: Ngân hàng thương mại C yêu cầu ông H1 phải chịu lãi suất trên khoản tiền nợ gốc sau khi có đơn đề nghị thi hành án theo quy định của Bộ luật Dân sự 2015. Tại phiên tòa ông H1 vắng mặt; đại diện theo Ủy quyền của Ngân hàng thương mại C vẫn giữ nguyên yêu cầu nêu ông H1 không thanh toán đầy đủ số tiền còn nợ thì kể từ ngày Ngân hàng có đơn đề nghị thi hành án thì ông H1 còn phải chịu lãi suất chậm trả trên nợ gốc theo quy định của Bộ luật Dân sự 2015. Xét đề nghị của đại diện Ngân hàng này là tự nguyện; mức lãi suất thấp hơn với thỏa thuận theo hợp đồng và phù hợp với quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông H1 phải chịu án phí không giá ngạch 5% của số tiền 11.843.000 đồng = 592.000đ (làm tròn). Ngân hàng thương mại C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471, Điều 473 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, xử:

1. Buộc ông Hoàng Đình H1 phải trả nợ cho Ngân hàng thương mại C số tiền là 11.843.000 đồng (Mười một triệu tám trăm bốn mươi ba nghìn đồng), trong đó: nợ gốc 10.224.424 đồng (Mười triệu hai trăm hai mươi bốn nghìn bốn trăm hai mươi tư đồng) và tiền lãi 1.618.576 đồng (Một triệu sáu trăm mười tám nghìn năm trăm bảy sáu đồng).

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án không thi hành thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả cho đến khi thi hành xong. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; nếu không thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Hoàng Đình H1 phải chịu số tiền 592.000 đồng (Năm trăm chín hai nghìn đồng).

Ngân hàng thương mại C không phải chịu án phí. Hoàn trả lại Ngân hàng thương mại C số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số: AA/2016/0000273 ngày 14/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tp V;
- Chi cục THADS thành phố V;
- Các đương sự trong vụ án;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; Văn phòng.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Vũ Văn Mạnh